

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 55/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Chánh văn Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao các cơ quan, đơn vị trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xây dựng kế hoạch và ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định theo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh được Bộ trưởng phê duyệt tại Quyết định này bảo đảm chất lượng, tiến độ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Quốc gia, Cục trưởng Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo và Thủ trưởng các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, VP(2b).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng



PHƯƠNG ÁN

**Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính
liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý
của Bộ Khoa học và Công nghệ**

*(kèm theo Quyết định số **1526**/QĐ-BKHCN ngày **29** tháng **6** năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nhóm thủ tục:

(1) Thủ tục Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (cấp trung ương - mã TTHC: 1.001128)

(2) Thủ tục Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ (cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001137)

1.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

Lý do: Thông tin này có thể khai thác từ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, giảm số đầu mục hồ sơ của TTHC.

b) Rút ngắn thời gian xử lý thủ tục từ 90 ngày làm việc xuống còn 60 ngày làm việc.

Lý do: Khai thác thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia; rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. Tối ưu hóa các bước xử lý nội bộ và công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023).

- Lộ trình thực hiện: 2026 - 2028.

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.258.928 đồng/năm

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.237.032 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm: 1.021.896 đồng/năm

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45 %

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 90 ngày làm việc.

- Sau khi cắt giảm: 60 ngày làm việc.

- Cắt giảm: 30 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm: 33,3%

3. Nhóm thủ tục

(1) Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm (cấp trung ương - mã TTHC: 1.002948)

(2) Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm (cấp tỉnh - mã TTHC: 2.001643)

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Bỏ yêu cầu phải nộp các tài liệu không thiết yếu liên quan đến nhiệm vụ.

Lý do: Giảm số lượng hồ sơ của TTHC, giảm chi phí.

b) Rút ngắn thời gian xử lý từ 90 ngày làm việc xuống còn 30 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ nội bộ và thời gian công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đẩy nhanh thời hạn giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023.

- Lộ trình thực hiện: 2026 - 2028.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.904.336 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.882.440 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 1.021.896 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35%

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 90 ngày làm việc.
- Sau khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.
- Cắt giảm: 30 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm: 33,3%

4. Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho đổi mới công nghệ (mã TTHC: 1.002975)

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có).

Lý do: Thông tin có thể tra cứu qua hệ thống dữ liệu quốc gia.

b) Rút ngắn thời gian xử lý từ 10 ngày xuống 7 ngày đối với trường hợp thông thường.

Lý do: Giảm thời gian thực hiện quy trình xác nhận, đẩy nhanh thời gian xử lý TTHC, thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2017/TT-BKHCHN ngày 01/12/2017; Danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016.

- Lộ trình thực hiện: 2026 - 2028.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.398.384 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 995.004 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 403.380 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29 %

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 10 ngày.
- Sau khi cắt giảm: 7 ngày.
- Cắt giảm: 3 ngày.

- Tỷ lệ cắt giảm: 30%

5. Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (mã TTHC: 1.001080).

5.1. Nội dung đơn giản hóa

Rút ngắn thời gian xử lý từ 30 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

Lý do: Cắt giảm thời gian xử lý hồ sơ nội bộ và thời gian công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đẩy nhanh thời hạn giải quyết TTHC

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 Điều 15 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023.

- Lộ trình thực hiện: 2026 - 2028

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 564.056 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 188.244 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 375.812 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,63%.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.

- Sau khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Tỷ lệ cắt giảm: 50%

6. Nhóm thủ tục:

(1) *Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao (mã TTHC: 1.004490).*

(2) *Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao (mã TTHC: 1.004497).*

(3) *Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức (mã TTHC: 1.004504).*

(4) *Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân (mã TTHC: 1.004510).*

(5) *Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức (mã TTHC: 1.004525).*

(6) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân (mã TTHC: 1.004531).

(7) Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao (mã TTHC: 1.008059).

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

- Chứng minh thư/Căn cước công dân/ Hộ chiếu;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14”.

- Cắt giảm chi phí nộp hồ sơ trực tiếp và chi phí nhận kết quả và rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.

Lý do: Thông tin có thể tra cứu từ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, giảm số đầu mục hồ sơ của TTHC

- Đề xuất bỏ thành phần hồ sơ: “Chứng minh thư, Căn cước công dân, Hộ chiếu, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14”.

Lý do: Giảm chi phí và rút ngắn thời gian xử lý TTHC; tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 33/2011/TT-BKHCN ngày 09/12/2011; Thông tư số 01/2013/TT-BKHCN ngày 14/01/2013; Điều 6 Thông tư số 27/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 39.669.888 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 24.996.114 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.673.774 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 63,01%.

7. Thủ tục xác định danh mục nhiệm vụ hằng năm, định kỳ thuộc Đề án 844 (mã TTHC: 1.002916)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Căn cứ Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và Thông tư số 01/2018/TT-BKHHCN ngày 12/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (gọi tắt là *Thông tư số 01/2018/TT-BKHHCN ngày 12/4/2018*), việc triển khai thủ tục xác định danh mục nhiệm vụ hằng năm, định kỳ thuộc Đề án 844 không còn khả thi để triển khai thực hiện do không còn đủ thời gian để thực hiện nhiệm vụ bắt đầu từ tháng 6/2025.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 7 Thông tư số 01/2018/TT-BKHHCN ngày 12/4/2018.
- Lộ trình thực hiện: năm 2026

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa (kèm theo biểu đánh giá chi phí tuân thủ)

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.853.936 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 4.853.936 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí, thời hạn giải quyết TTHC: 100%.

8. Nhóm thủ tục:

(1) *Thủ tục Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp trung ương - mã TTHC: 2.000119);*

(2) *Thủ tục Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (cấp tỉnh - mã TTHC: 1.006427)*

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Đơn giản hóa thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi Phụ lục 3a và Phụ lục 3b về báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHHCN ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là *Thông tư số 02/2015/TT-BKHHCN ngày 06/3/2015*).

b) Giảm thời gian giải quyết hồ sơ:

- Kiến nghị giảm thời gian đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ từ 50 ngày làm việc xuống 28 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện TTHC, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện TTHC.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 9 và Phụ lục 3a, 3b Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.881.784 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.622.856 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.258.928 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,66 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 50 ngày làm việc

- Sau khi cắt giảm: 28 ngày làm việc

- Cắt giảm: 22 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm: 44 %

9. Nhóm thủ tục:

(1) Thủ tục Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (mã TTHC: 2.000183).

(2) Thủ tục Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người (mã TTHC: 1.000182).

9.1. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

- Bản sao quyết định thành lập, đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (đối với tổ chức khoa học và công nghệ) hoặc đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đối với doanh nghiệp) của tổ chức đăng ký ứng dụng;

- Bản sao Chứng minh thư nhân dân đối với cá nhân đăng ký ứng dụng.

b) Đơn giản hóa một số thành phần hồ sơ, ghép vào hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ.

Lý do: Dữ liệu có thể kiểm tra trên cơ sở dữ liệu quốc gia và giảm số đầu mục hồ sơ.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.049.820 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.963.208 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.086.612 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18%.

10. Nhóm thủ tục:

(1) Thủ tục chấp thuận chuyển giao công nghệ (mã TTHC: 1.007280)

(2) Thủ tục cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ (mã TTHC: 1.007276)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

- Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép kinh doanh,...);

- Bản sao văn bản xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện bên đề nghị;

- Bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) đối với cá nhân tham gia chuyển giao công nghệ hoặc người đại diện theo pháp luật của tổ chức trong nước.

b) Đơn giản hóa một số thành phần hồ sơ, ghép thành phần hồ sơ kèm với văn bản đề nghị.

Lý do: Dữ liệu có thể kiểm tra trên cơ sở dữ liệu quốc gia và giảm số đầu mục hồ sơ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018.
- Lộ trình thực hiện: năm 2026.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.436.472 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.294.464 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.142.008 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 62%.

II. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

1. Thủ tục Chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng (mã TTHC: 2.000551)

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Việc chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng chỉ áp dụng cho hàng đóng sẵn nhóm 2 theo khoản 2 Điều 8 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn (gọi tắt là *Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014*). Hiện Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 theo Điều 6 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 nên không có hàng đóng gói sẵn nhóm 2 bắt buộc phải chứng nhận và không phát sinh hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, hồ sơ chứng nhận lại và điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng do vi phạm.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

+ Sửa đổi: khoản 1 Điều 1, khoản 5 Điều 10, điểm h khoản 1 Điều 25, điểm d khoản 2 Điều 25, khoản 5 Điều 26, khoản 2 và khoản 5 Điều 28; Mẫu 3. BCTH: Báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V;

+ Bãi bỏ: Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11, Mục 3 Chương IV, điểm e khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26; Mẫu 2.ĐNCN: Đề nghị chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V; Mẫu 4.GCN: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V.

- Lộ trình thực hiện: năm 2027 (sau khi Luật Đo lường được sửa đổi, bổ sung)

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.397.248 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.397.248 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí, thời hạn giải quyết TTHC: 100%.

2. Thủ tục đề nghị bãi bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng do vi phạm (mã TTHC: 1.001132)

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Việc chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng chỉ áp dụng cho hàng đóng sẵn nhóm 2 theo khoản 2 Điều 8 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN. Hiện Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 theo Điều 6 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN nên không có hàng đóng gói sẵn nhóm 2 bắt buộc phải chứng nhận và không phát sinh hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, hồ sơ chứng nhận lại và điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng do vi phạm.

2.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

+ Sửa đổi: khoản 1 Điều 1, khoản 5 Điều 10, điểm h khoản 1 Điều 25, điểm d khoản 2 Điều 25, khoản 5 Điều 26, khoản 2 và khoản 5 Điều 28; Mẫu 3. BCTH: Báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V;

+ Bãi bỏ: Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11, Mục 3 Chương IV, điểm e khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26; các Mẫu 2. ĐNCN: Đề nghị chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V và Mẫu 4. GCN: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn tại Phụ lục V.

- Lộ trình thực hiện: năm 2027 (sau khi Luật Đo lường được sửa đổi, bổ sung)

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 911.976 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 911.976 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí, thời hạn giải quyết TTHC: 100%.

3. Thủ tục chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (mã TTHC: 1.001192)

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ:

- Báo cáo hoạt động;
- Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;
- Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường;
- Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở xuống còn 30 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở.

Lý do: giảm thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 21.866.560 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.467.040 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 18.399.520 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 84 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 40 ngày làm việc.
- Sau khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.
- Cắt giảm: 10 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm: 22,2%

4. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chỉ định, chỉ định lại tổ chức hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (mã TTHC: 2.000585)

4.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ một số thành phần hồ sơ:

- Báo cáo hoạt động;
- Văn bản của người đứng đầu tổ chức đề nghị quy định về nội dung, hình thức, việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;
- Hồ sơ đề nghị chứng nhận chuẩn đo lường;
- Hồ sơ đề nghị chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ xuống còn 30 ngày làm việc kể từ ngày hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và không tính thời gian đánh giá tại cơ sở.

Lý do: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

4.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 149.626.248 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 29.877.840 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 119.748.408 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 40 ngày làm việc.
- Sau khi cắt giảm: 30 ngày làm việc.
- Cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Tỷ lệ cắt giảm: 25%

5. Thủ tục Chứng nhận chuẩn đo lường (mã TTHC: 2.000589)

5.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường do người đứng đầu tổ chức kiểm định được chỉ định ban hành.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

5.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 120.361.200 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 71.205.600 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 49.155.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.

- Sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.

- Cắt giảm: 5 ngày làm việc

- Tỷ lệ cắt giảm: 33%

6. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường (mã TTHC: 2.001226)

6.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Đơn giản hóa các biểu mẫu trong đơn đề nghị.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: thủ tục điều chỉnh có thành phần hồ sơ ít hơn lần đầu, nội dung thành phần hồ sơ được đơn giản hóa, thời hạn giải quyết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

6.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 120.361.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 71.205.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 49.155.600 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Cắt giảm: 5 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm: 33%

7. Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (mã TTHC: 1.002912)

7.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Sơ yếu lý lịch của từng nhân viên kiểm định.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: Đưa một số nội dung liên quan đến lý lịch của nhân viên kiểm định vào mẫu tờ đơn, đơn khai nhằm cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

7.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 127.678.800 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 110.043.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 17.635.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Cắt giảm: 5 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm: 33%

8. Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ (mã TTHC: 1.002908)

8.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Tài liệu khác có liên quan đến nội dung đề nghị điều chỉnh.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

Lý do: Thủ tục điều chỉnh có thành phần hồ sơ ít hơn lần đầu, thành phần hồ sơ được đơn giản hóa, thời hạn giải quyết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC.

8.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 59.023.200 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 42.138.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 16.885.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 58 %.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 15 ngày làm việc.
- Sau khi cắt giảm: 10 ngày làm việc.
- Cắt giảm: 5 ngày làm việc
- Tỷ lệ cắt giảm: 33%

9. Thủ tục bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ hiệu lực của Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường (mã TTHC: 1.002406)

9.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Phù hợp với chủ trương cải cách TTHC tại các Nghị quyết của Chính phủ, trong đó yêu cầu cắt giảm ít nhất 30% thành phần hồ sơ.

9.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 911.976 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 911.976 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

10. Thủ tục bãi bỏ hiệu lực của quyết định đình chỉ hiệu lực của Quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường (mã TTHC: 1.002346)

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Phù hợp với chủ trương cải cách TTHC tại các Nghị quyết của Chính phủ, trong đó yêu cầu cắt giảm ít nhất 30% thành phần hồ sơ

10.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lộ trình thực hiện: năm 2025

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 911.976 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 911.976 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

11. Thủ tục phê duyệt mẫu phương tiện đo (mã TTHC: 1.001603)

11.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Đề nghị chỉnh sửa cụm từ “ - Bản cam kết về chương trình phần mềm của phương tiện đo; - Danh mục tài liệu về việc xây dựng và áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật” thành:

- Bản cam kết về chương trình phần mềm của phương tiện đo theo Mẫu 2. CKPM tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN (áp dụng cho trường hợp phương tiện đo được vận hành, điều khiển theo chương trình phần mềm).

- Danh mục tài liệu về việc xây dựng và áp dụng biện pháp quản lý, kỹ thuật để bảo đảm phương tiện đo được sản xuất hoặc nhập khẩu phù hợp với mẫu đã phê duyệt.

Lý do: Nội dung chỉnh sửa nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 7 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (gọi tắt là Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN).

11.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013.
- Lộ trình thực hiện: năm 2027

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 854.760.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 798.976.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 55.784.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7 %.

12. Thủ tục điều chỉnh nội dung của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo (mã TTHC: 2.000737)

12.1. Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 7 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc.

Lý do: giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân.

12.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013.
- Lộ trình thực hiện: năm 2027

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.746.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: : 14.746.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.
- b) Thời hạn giải quyết:
 - Trước khi cắt giảm: 7 ngày làm việc.
 - Sau khi cắt giảm: 5 ngày làm việc.
 - Cắt giảm: 2 ngày làm việc
 - Tỷ lệ cắt giảm: 28,57%

13. Thủ tục gia hạn hiệu lực của quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo (mã TTHC: 2.000747)

13.1. Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao (có xác nhận sao y bản chính của cơ sở) quyết định phê duyệt mẫu.

Lý do: Chỉnh sửa cụm từ “giảm thành phần hồ sơ không cần thiết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC” thành “Loại bỏ yêu cầu thành phần hồ sơ trùng lặp với dữ liệu đã được cơ quan quản lý lưu giữ nhằm giảm thành phần không cần thiết giúp giảm chi phí tuân thủ, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC”

13.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi bổ sung Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013.
- Lộ trình thực hiện: năm 2027

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 19.642.240 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.836.800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.805.440 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45 %.

14. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch (mã TTHC: 1.008089)

14.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Quyết định thành lập.

b) Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống 13 ngày.

Lý do: Khai tác cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh. Đẩy nhanh tiến độ thẩm định của cơ quan chuyên môn, rút ngắn thời gian nộp và hoàn thiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ TTHC cho cơ quan hành chính nhà nước, tạo thuận lợi cho các bộ, ngành khi tham gia thực hiện TTHC, bảo đảm tính cấp thiết, kịp thời.

14.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Mục 3, Chương II Thông tư 10/2020/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sử dụng mã số, mã vạch.

- Lộ trình thực hiện: năm 2026

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

a) Chi phí tuân thủ:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.344.596.920 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.106.754.044 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.237.842.876 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

b) Thời hạn giải quyết:

- Trước khi cắt giảm: 20 ngày.

- Sau khi cắt giảm: 13 ngày.

- Cắt giảm: 7 ngày

- Tỷ lệ cắt giảm: 35%

15. Thủ tục chứng nhận lại, điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng (mã TTHC: 1.001148)

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Việc chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng chỉ áp dụng cho hàng đóng sẵn nhóm 2 theo khoản 2 Điều 8 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN. Hiện Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 theo Điều 6 Thông tư 21/2014/TT-BKHCN nên không có hàng đóng gói sẵn nhóm 2 bắt buộc phải chứng nhận và không phát sinh hồ sơ chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, hồ sơ chứng nhận lại và điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, hồ sơ đề nghị bãi bỏ hiệu lực của thông báo đình chỉ giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng do vi phạm

15.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ bao gồm:

+ Sửa đổi: khoản 1 Điều 1, khoản 5 Điều 10, điểm h khoản 1 Điều 25, điểm d khoản 2 Điều 25, khoản 5 Điều 26, khoản 2 và khoản 5 Điều 28; Mẫu 3. BCTH: Báo cáo tình hình sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V;

+ Bãi bỏ: Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11, Mục 3 Chương IV, điểm e khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26; Mẫu 2. ĐNCN: Đề nghị chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V; Mẫu 4. GCN: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn Phụ lục V.

- Lộ trình thực hiện: năm 2027 (*sau khi Luật Đo lường được sửa đổi, bổ sung*)

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.397.248 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.397.248 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.